



Câu I (3,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy:

1. Phân tích đặc điểm của sông ngòi nước ta.
2. Phân tích tác động của độ cao đồi núi đến sự phân hóa đất ở nước ta.

Câu II (2,0 điểm)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh đặc điểm phân bố dân cư của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Giải thích nguyên nhân khác nhau.

Câu III (3,0 điểm)

1. Tại sao ngành công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi ở nước ta vẫn chưa được phát triển mạnh?
2. Căn cứ vào bảng số liệu sau, nhận xét và giải thích sản lượng ngành thủy sản qua các năm.

SẢN LƯỢNG NGÀNH THỦY SẢN NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Khai thác	Nuôi trồng
1990	890,6	728,5	162,1
2000	2.250,9	1.660,9	590,0
2010	5.142,7	2.414,4	2.728,3
2020	8.497,2	3.863,7	4.633,5

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Câu IV (2,0 điểm)

1. Đồng bằng sông Hồng là vùng trọng điểm lương thực thực phẩm lớn thứ 2 ở nước ta nhưng vì sao sản lượng bình quân lương thực theo đầu người lại thấp hơn mức bình quân cả nước?

2. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích việc khai thác thế mạnh kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ.

----- HẾT -----

Họ và tên thí sinh:; Số báo danh

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành từ 2009 đến nay.

- Giám thị coi thi không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM - ĐỀ THI NĂNG KHIẾU LẦN IV
LỚP 11 CHUYÊN ĐỊA * NĂM HỌC 2021 - 2022 *** Ngày thi 14/03/2022**

Câu	Ý	Nội dung chính cần đạt	Điểm
I	1	Phân tích đặc điểm của sông ngòi nước ta.	2,00
		- Mạng lưới sông ngòi dày đặc, chủ yếu là sông nhỏ, ngắn (<i>dẫn chứng</i>). Do mưa nhiều trên địa hình chủ yếu là đồi núi, lãnh thổ hẹp ngang (<i>diễn giải</i>)	0,50
		- Hướng chính: tây bắc – đông nam và vòng cung (<i>dẫn chứng</i>). Do hướng địa hình chi phối (<i>diễn giải</i>)	0,50
		- Tổng lượng nước lớn (<i>dẫn chứng</i>). Do mưa nhiều, có lượng nước sông lớn mang từ ngoài lãnh thổ vào (<i>diễn giải</i>)	0,25
		- Lượng phù sa lớn (<i>dẫn chứng</i>). Do mưa nhiều, tập trung vào một mùa trên địa hình chủ yếu đồi núi dốc, lớp vỏ phong hóa dày, nhiều nơi mất lớp phủ thực vật (<i>diễn giải</i>)	0,25
		- Chế độ nước theo mùa (<i>dẫn chứng</i>). Do chế độ mưa quy định (<i>diễn giải</i>)	0,50
I	2	Phân tích tác động của độ cao đồi núi đến sự phân hóa đất ở nước ta.	1,00
		- Khái quát đặc điểm độ cao đồi núi: chủ yếu là đồi núi thấp, độ cao dưới 500m, chiếm khoảng 70%; độ cao từ 500 – 1000m chiếm 15%, độ cao trên 2000m chỉ chiếm 1%	0,25
		- Sự phân hóa đất theo độ cao: + Vùng đồi núi thấp: quá trình feralit diễn ra mạnh (<i>diễn giải</i>), đất feralit chiếm một diện tích lớn (65% diện tích đất tự nhiên)	0,25
		+ Từ độ cao 500 – 600m đến 1600 – 1700m: nhiệt độ giảm, lượng mưa tăng, quá trình feralit yếu đi, quá trình tích lũy mùn tăng lên, có đất mùn vàng đỏ trên núi (còn gọi là đất mùn feralit)	0,25
		+ Trên 1600 – 1700m: quanh năm thường có mây mù lạnh ẩm, quá trình feralit bị chấm dứt hoàn toàn, có đất mùn thô trên núi cao (đất mùn alit trên núi cao)	0,25
II		Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, so sánh đặc điểm phân bố dân cư của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long. Giải thích nguyên nhân khác nhau.	2,00
III	1	* So sánh đặc điểm phân bố dân cư của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long	
		+) Giống nhau:	
		- Mật độ dân số trung bình cao so với các vùng khác. Phân bố dân cư không đều giữa các khu vực.	0,25
		- Có sự phân hóa về mật độ: nội bộ từng vùng và giữa các tỉnh trong vùng, nội bộ tỉnh	0,25
		+) Khác nhau:	
		- Mật độ: ĐBSH có mật độ cao nhất cả nước, ĐBSCL có mật độ dân số thấp hơn (<i>dẫn chứng</i>)	0,25
		- Phân bố: ĐBSH có sự phân bố tương đối đều giữa các tỉnh, ĐBSCL có sự phân bố không đều giữa các khu vực, các tỉnh (<i>dẫn chứng</i>)	0,25
		- Phân hóa: + Đồng bằng Sông Hồng: mật độ cao nhất ở khu vực trung tâm và phía đông nam; thấp ở rìa đông nam (<i>dẫn chứng</i>)	0,25
		+ Đồng bằng Sông Cửu Long: mật độ cao nhất ở dọc sông Tiền, sông Hậu; thưa thớt ở phía tây bắc, tây nam và đông nam (<i>dẫn chứng</i>)	0,25
		* Giải thích nguyên nhân	
- Đồng bằng sông Hồng dân cư tập trung đông hơn: có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời, có nền nông nghiệp thâm canh, nhiều trung tâm kinh tế lớn, kinh tế vùng phát triển bậc nhất cả nước....	0,25		
- Đồng bằng sông Cửu Long có lịch sử khai thác muộn hơn, diện tích đất phèn, đất mặn, ngập úng lớn, ít trung tâm công nghiệp - dịch vụ lớn, sự phân hóa các nhân tố phân bố dân cư theo lãnh thổ rõ rệt hơn...	0,25		
III	1	Tại sao ngành công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi ở nước ta vẫn chưa được phát triển mạnh?	1,00
		- Chăn nuôi chiếm vị trí thứ yếu trong ngành nông nghiệp (<i>dẫn chứng</i>)	0,25
		- CSVC KTHT cho chăn nuôi chưa đảm bảo, còn thiếu vốn đầu tư, lao động trong ngành	0,25

		chăn nuôi chủ yếu sử dụng lao động từ ngành trồng trọt... - Thị trường còn nhiều biến động, sản phẩm chăn nuôi chất lượng còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu, nhất là cho xuất khẩu - Chính sách đầu tư cho công nghiệp chưa được đẩy mạnh, điều kiện chăn nuôi còn hạn chế...	0,25 0,25
	2	Nhận xét và giải thích sản lượng ngành thủy sản qua các năm.	2,00
		* Nhận xét: - Quy mô: sản lượng tăng nhanh, thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng (<i>dẫn chứng</i>) - Tốc độ tăng trưởng: thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn thủy sản khai thác (<i>dẫn chứng</i>) - Cơ cấu và sự chuyển dịch cơ cấu: giai đoạn 1990 – 2000 thủy sản khai thác chiếm tỉ trọng trên 70%, từ 2010 đến nay thủy sản nuôi trồng chiếm tỉ trọng cao hơn (<i>dẫn chứng</i>)	0,25 0,25 0,50
		* Giải thích: - Sản lượng thủy sản tăng do nước ta mở rộng thị trường tiêu thụ, khai thác tốt các thế mạnh tự nhiên, nhu cầu tăng (<i>diễn giải</i>) - Thủy sản nuôi trồng ngày càng phát triển do ưu thế của nuôi trồng như hiệu quả kinh tế cao, nhu cầu của thị trường lớn, lựa chọn được các loại có giá trị kinh tế..., sử dụng tốt hơn các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động,... - Thủy sản khai thác tăng chậm, tỉ trọng sụt giảm nhanh do phụ thuộc vào tự nhiên (<i>diễn giải</i>) khó kiểm soát về số lượng và chất lượng thủy hải sản, nguồn lợi ven bờ suy giảm, CSVC còn chậm đổi mới...	0,25 0,50 0,25
IV	1	Đồng bằng sông Hồng là vùng trọng điểm lương thực thực phẩm lớn thứ 2 ở nước ta nhưng vì sao sản lượng bình quân lương thực theo đầu người lại thấp hơn mức bình quân cả nước?	1,00
		- Dân số vùng đông nhất, mật độ dân số cao nhất cả nước (<i>dẫn chứng</i>) - Diện tích đất canh tác hạn chế, khả năng mở rộng diện tích hầu như không còn (<i>dẫn chứng</i>) - Tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa nhanh dẫn đến thu hẹp diện tích đất nông nghiệp → ảnh hưởng đến sản lượng lương thực (<i>dẫn chứng</i>)	0,25 0,50 0,25
	2	Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, phân tích việc khai thác thế mạnh kinh tế biển ở Bắc Trung Bộ.	1,00
		- Nghề cá: các tỉnh đều giáp biển, gần các ngư trường lớn, nhiều đầm phá, cửa sông, bãi cát rộng (nuôi tôm trên cát), sản lượng thủy sản cao (<i>dẫn chứng</i>) - Du lịch biển: nhiều bãi biển đẹp, các đảo gần bờ, có nhiều trung tâm du lịch lớn, nhiều điểm du lịch nổi tiếng (<i>dẫn chứng</i>) - Khai thác khoáng sản ven biển: khai thác titan trong cát ven biển, sản xuất muối (<i>dẫn chứng</i>) - Giao thông biển: một số vụng thuận lợi xây dựng cảng nước sâu gắn liền với sự hình thành kinh tế cảng biển, các cảng biển tiêu biểu (<i>dẫn chứng</i>)	0,25 0,25 0,25 0,25
TỔNG ĐIỂM TOÀN BÀI, 4 CÂU			10,00

----- HẾT -----